PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Tịnh Không Pháp Sư chủ giảng
Tại Cư Sĩ Lâm Singapore
Tháng 11 năm 1994
Chuyển ngữ: Cư sĩ Thanh Trí
Biên soạn: Gia đình cư sĩ Diệu Âm Diệu Bảo
Biên tập: Cư sĩ Thiện Đức

TẬP 19

"***Diệc vô bỉ ngã, vi oán chi tưởng. Hà dĩ cố? Bỉ chư Bồ-tát, ư nhất thiết chúng sanh, hữu đại từ bi lợi ích tâm cố***".

(Cũng không có ý tưởng ta, người, oán hận. Vì sao vậy? Các vị Bồ-tát đó đối với hết thảy chúng sanh có tâm đại từ bi lợi ích).

Những đoạn Kinh văn này đều là nguyên tắc tu hành của chư Bồ-tát ở thế giới Tây Phương. Chúng ta nên học tập, cho dù chúng ta làm không nổi nhưng cũng phải biết chân tướng sự thật này. Tâm phải thường nghĩ đến, có thể làm được bao nhiêu thì làm bấy nhiêu, tận tâm tận lực đi làm, như vậy là tương ưng. Đoạn này nói làm lợi ích cho chúng sanh. Phía trước là thuộc về *tự lợi*, chỗ này là thuộc về *lợi tha*. Trong *lợi tha*, quan trọng nhất là tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh và tâm đại từ bi. Cho nên Phật nói với chúng ta "*diệc vô bỉ ngã*" (cũng không có ý tưởng ta, người), đây là bình đẳng trên nhân sự, không phân ta-người, chúng sanh và Phật là một thể, tự tha không hai. Đây là nguyên tắc vô cùng quan trọng để làm lợi ích cho chúng sanh.

"*Vi oán*", chúng ta thường nói "thích ác", không đề cập đến "thích", chỉ nói chữ "ác", "*vi*" là trái ngược với thường tình thường lý, "*oán*" là không những trái ngược mà còn oán hại, thậm chí là oán hận. Khi gặp cảnh giới bất như ý, rất dễ sanh khởi những ý niệm này, những ý niệm này đều là phiền não tập khí từ vô thủy đến nay, cảnh giới bên ngoài vừa hiện tiền thì tập khí này liền bị nó dẫn dụ ra. Nói "*diệc vô*"(cũng không), do đây có thể biết định công của Bồ-tát rất sâu, không bị ngoại cảnh làm cho lay động, định công của Bồ-tát sâu, công phu sâu, trí huệ của Bồ-tát sâu rộng, nhìn tất cả chúng sanh vô cùng thấu triệt. Từ trên tự tánh mà xem, tất cả chúng sanh đều là bình đẳng, đều là thiện lương, chỉ là từ vô thủy kiếp đến nay bị mê tà nhiễm nên họ biến thành nông nỗi này. Giống như một

người tỉnh táo, một người rất có lý trí, một người rất có tâm yêu thương, ở chung với một đám người say rượu. Kẻ say rượu kia buông lời bậy bạ, thậm chí động tay động chân, một chút lễ độ cũng không có. Người tỉnh táo này [nói]: "họ vốn rất tốt, rất dễ thương, uống say rồi, say rồi thì có thể tha thứ cho họ". Bồ-tát nhìn chúng sanh chúng ta mê hoặc điên đảo, giống như dáng điệu của kẻ say bí tỉ, nghiêng ngả xiêu vẹo. Bồ-tát tỉnh táo, họ có trí huệ rất sâu, tuyệt đối không trách cứ những chúng sanh này. Chúng sanh làm sao có thể không làm việc ác được chứ? Nếu họ không làm việc ác thì họ sớm thành Bồ-tát, thành Phật rồi. Chỉ vì tập khí xấu rất nặng, lúc nào cũng có ác niệm, lúc nào cũng có hành vi ác, Phật Bồ-tát nhất định không trách cứ, tâm họ tịnh, họ bình đẳng. "*Hà dĩ cố?*", tại sao Bồ-tát không trách cứ những chúng sanh *oán hận* này,

"*Bỉ chư Bồ-tát, ư nhất thiết chúng sanh, hữu đại từ bi lợi ích tâm cố*" (các vị Bồ-tát đó đối với hết thảy chúng sanh có tâm đại từ bi lợi ích). Đây là nói ra nguyên nhân, những Bồ-tát này đại từ bi. Từ bi thêm chữ *đại*, tức là từ bi bình đẳng, từ bi không có phân biệt, không có chấp trước gọi là đại từ bi. Người thế gian chúng ta cũng có từ bi, Phật Pháp gọi đó là "ái duyên từ bi". Tôi yêu thích họ, đối với họ rất từ bi, không thích họ không thương họ thì không từ bi, đây gọi là ái duyên từ bi. Không sánh được với Phật và đại Bồ-tát, họ là "vô duyên từ bi". "Vô duyên" là không có điều kiện, từ bi không có điều kiện là đại từ bi. Không những đại từ bi mà còn "*hữu lợi ích tâm cố*", khiến tất cả chúng sanh được lợi ích chân thật. Những Bồ-tát này thường giữ tâm như vậy, luôn hy vọng chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh được lợi ích chân thật.

"***Xả ly nhất thiết chấp trước, thành tựu vô lượng công đức***".
(Lìa bỏ hết thảy chấp trước, thành tựu vô lượng công đức).

Chúng ta thường gọi đó là phá chấp trước. "*Chấp trước*" có hai loại: nhân ngã chấp, pháp ngã chấp, chấp trước là gốc rễ của phiền não. Phật trong kinh Hoa Nghiêm nói: "*Tất cả chúng sanh chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc*", chữ "chứng đắc" này là không thể thành Phật. Nếu lìa xa, xả bỏ được nhân ngã chấp thì sẽ đoạn được kiến tư phiền não. Nói cách khác là vượt khỏi luân hồi tam giới rồi. Do đây có thể biết, hễ bạn có nhân ngã chấp trước thì bạn không ra khỏi lục đạo luân hồi được. Chúng ta thường nói: "có **tôi**, có **họ**, có **bạn**". Bạn hễ có quan niệm này, không đoạn ý niệm này thì bạn không ra khỏi luân hồi được. Đến một ngày nào đó **tôi, bạn, họ** không còn nữa thì chứng A-la-hán, thì ra khỏi tam giới. Đến ngày ấy bạn có thể nói **tôi, bạn, họ** không còn nữa, ngã chấp phá rồi. Câu này là phá ngã chấp "*xả lìa tất cả chấp trước, thành tựu vô*

lượng công đức". Con người cần phải đến chỗ vô ngã thì cái tâm đó là đại công vô tư, không có lòng riêng tư. Con người có ngã, bạn bảo họ không có lòng riêng tư là việc không thể. Có ngã thì có lòng riêng tư, vô ngã mới không có lòng riêng tư. Từ A-la-hán trở lên không có lòng riêng tư, trước khi chứng A-la-hán đều có lòng riêng tư, chỉ là mức độ của lòng riêng tư này khác nhau mà thôi. Chấp trước cạn sâu khác nhau, nhất định là có lòng riêng tư. Bồ-tát ở cõi Cực Lạc không có. Vậy những người đới nghiệp vãng sanh như chúng ta có hay không? Thực tế mà nói, chúng ta một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, đến bên đó rồi thì sẽ không có nữa. Tại sao không có? Nhờ bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì. Nếu không được bổn nguyện của Phật gia trì thì chúng ta vẫn có, điều này thật sự không thể nghĩ bàn.

"***Dĩ vô ngại huệ, giải pháp như như. Thiện tri Tập Diệt âm thanh phương tiện, bất hân thế ngữ, nhạo tại chánh luận***".

(Dùng trí huệ không chướng ngại thấu rõ các pháp là như như. Khéo biết âm thanh phương tiện giảng giải về Tứ Đế, không thích nói chuyện thế gian, thích luận chánh pháp).

Đây là y theo trí huệ vô chướng ngại. "*Giải pháp như như*", là pháp chấp cũng phá rồi, phía trước là phá ngã chấp, câu này là phá pháp chấp. Pháp chấp phá xong thì thành Phật. Nếu chúng ta hạ thấp tiêu chuẩn này xuống, hạ đến thấp nhất, thì cũng là Đẳng Giác Bồ-tát và Pháp Vân Địa Bồ-tát. "*Giải pháp như như*", pháp là chỉ cho tất cả vạn pháp, "*pháp tướng như kỳ pháp tánh, pháp tánh như kỳ pháp tướng*, *tánh tướng nhất như*" (pháp tướng như pháp tánh, pháp tánh cũng như pháp tướng, tánh tướng nhất như). Hai chữ "*như*", một chữ là từ trên tánh mà nói, một chữ là từ trên tướng mà nói, tánh tướng như như. Nếu đối với cách nói này vẫn rất khó lĩnh hội thì Cổ Đức có một tỉ dụ, đem vàng và đồ dùng để làm tỉ dụ.

Vàng ví làm tánh, đồ dùng ví làm tướng, đồ dùng chính là dụng cụ. Dùng kim khí, dùng vàng để làm vòng đeo tay, hoặc làm dây chuyền, hoặc làm cái ly, cái chén… đều là bằng vàng. Tướng không giống nhau, tướng thì hoàn toàn khác nhau. Còn thể của nó là một thứ, đều là bằng vàng ròng làm ra. Vậy thì chúng ta có thể nói vàng tức là đồ dùng, đồ dùng tức là vàng, vàng và đồ dùng là một, không phải hai, cách này dễ hiểu. Lấy vàng làm đồ dùng, cái nào cũng đều là vàng, cách tỉ dụ này thì bạn có thể hiểu được. Bạn dần dần lĩnh hội lời Phật nói: "Vũ trụ nhân sinh sâm la vạn tượng (sâm la vạn tượng: Muôn tượng la liệt trong vũ trụ giống như cây cối trong rừng mọc um tùm) từ đâu mà có?" Đều là từ tự

tánh biến hiện ra. Cái tánh này ví như vàng, còn sâm la vạn tượng thì ví như đồ dùng. Tánh tức là tướng, tướng tức là tánh, tánh tướng nhất như, tánh tướng bất nhị. Họ đã hiểu rõ rồi thì tâm của họ được đại tự tại, tự tại gì vậy? Ở trong tất cả vạn pháp sẽ không còn phân biệt chấp trước nữa. Họ hiểu được vạn pháp bình đẳng, vạn pháp nhất như, đây là phá pháp chấp rồi, đây tức là cảnh giới của đại Bồ-tát.

"*Thiện tri Tập Diệt âm thanh phương tiện*", đây hoàn toàn là từ trên ngôn ngữ mà nói. Trong ngôn ngữ của chúng ta bao gồm nghị luận. Nghị luận này cũng nói rõ tư tưởng, kiến giải của tất cả chúng sanh. "*Thiện tri*", chữ "*thiện*" này rất tuyệt diệu! "*Thiện*" có nghĩa là gì? Là có không bất nhị. Có tức là không. Không tức là có. Từ trên thể mà nói là không, từ trên tướng mà nói là có. Tánh tướng đã là nhất như thì sự lý đương nhiên không có chướng ngại. Không những sự lý không có chướng ngại mà sự sự đều vô ngại. Đây là thật. Đích thật là sự sự vô ngại. Tất cả chướng ngại từ đâu sinh ra? Đều là từ vọng tưởng chấp trước sanh ra, lìa khỏi tất cả vọng tưởng chấp trước thì vô ngại rồi, nhập vào pháp giới vô chướng ngại rồi. Cho nên cần phải "*thiện tri*"(khéo biết), triệt để hiểu rõ những sự lý nhân quả này thì gọi là thiện tri.

"*Bất hân thế ngữ, nhạo tại chánh luận*" (không thích nói chuyện thế gian, thích luận chánh pháp), chữ "*thiện*" đó hiển thị tại chỗ này, tất cả bình đẳng rồi thì còn có gì mà ưa thích hay không ưa thích nữa! Đương nhiên là không có. Tuy nhiên họ có, tại sao họ lại có? Vì "*Hữu đại từ bi lợi ích tâm cố* (có tâm đại từ bi lợi ích)". Ở nơi họ thì không có, họ thanh tịnh bình đẳng, nhưng vô số chúng sanh mê hoặc điên đảo, khổ sở, cho nên phải chỉ dạy chúng sanh làm thế nào lìa khổ được vui. Từ thế gian pháp mà nói, tức là từ trên hiện tượng mà nói, những thứ nghị luận của thế gian là "*bất hân*" tức là không ưa thích, ưa thích cái gì? Ưa thích chánh luận, chánh luận tức là chánh pháp. Lời dạy bảo của chư Phật Bồ-tát đối với chúng ta là chánh luận. Tiêu chuẩn của tà chánh ở chỗ nào? Chánh pháp là tương ưng với tánh, tà pháp trái ngược với tự tánh, đây là tiêu chuẩn tuyệt đối. Chúng ta lĩnh hội được điểm này mới biết được Thế Tôn nói pháp bốn mươi chín năm là có tiêu chuẩn, không phải là nói tùy tiện, đích thực giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Mê là trái ngược với tự tánh, ngộ là tương ưng với tự tánh.

"***Tri nhất thiết pháp, tất giai không tịch, sanh thân phiền não, nhị dư câu tận***".

(Biết tất cả pháp đều là không tịch. Nhị dư: sanh thân và phiền não cùng hết sạch).

"*Dư*", là tập khí, dư tập. Cả thảy đều đoạn được sạch sẽ rốt ráo! "*Sanh thân phiền não*" tức là sanh tử phiền não. Biết được tất cả pháp "*giai tất không tịch*" (đều là không tịch). Không những thể là không tịch, thực tế tướng cũng không tịch. Chỉ vì chúng ta bị vọng tưởng chấp trước chướng ngại nghiêm trọng, nên không thấy được chân tướng. Chư Phật Bồ-tát tâm địa thanh tịnh, nên tướng chân thật này [đều] bày ở trước mặt họ, thật sự là không tịch, tướng cũng là không tịch, cho nên mới là lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Tướng nếu không là không thì đương nhiên có chướng ngại, tướng là không. Điều này rất khó hiểu, không hiểu cũng không sao, không quan trọng, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc hiểu là được rồi. Bây giờ chúng ta lão thật niệm Phật là được, bây giờ có thể hiểu thì càng tốt, không hiểu cũng không trở ngại việc vãng sanh, điều này chư vị phải biết.

"***Ư tam giới trung, bình đẳng cần tu cứu cánh Nhất Thừa***".
(Ở trong ba cõi bình đẳng siêng tu cứu cánh Nhất Thừa).

Đây là nét đặc biệt trong sự tu hành của Tịnh Tông. Tam giới gồm Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Tam giới cực kỳ không bình đẳng, khác biệt vô cùng lớn. Bồ-tát ở trong đó có thể thị hiện tu học bình đẳng, có thể chỉ dạy tất cả chúng sanh tu hành bình đẳng. "*Cứu cánh Nhất Thừa*" tức là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

"***Chí ư bỉ ngạn***".
(Đạt đến bờ kia).

"*Bỉ ngạn*" là thành Phật, tu hành pháp môn này nhất định một đời viên mãn thành Phật.

"***Quyết đoạn nghi võng, chứng vô sở đắc***".
(Quyết dứt lưới nghi, chứng vô sở đắc).

Hai câu này là thành tựu trí huệ Bát-nhã cứu cánh viên mãn. Thế Tôn xuất hiện ở thế gian vì chúng ta mà giảng kinh thuyết pháp, giảng Bát-nhã trong hai mươi hai năm. Trong đại tạng kinh mà chúng ta hiện nay giữ lại, bộ kinh lớn nhất là Kinh Đại Bát-nhã, có đến sáu trăm quyển, sáu trăm quyển Đại Bát-nhã nói những gì? Trong Tâm Kinh nói "*vô trí diệc vô đắc*", Thế Tôn đã giảng năm chữ này hết hai mươi hai năm, sáu trăm quyển Đại Bát-nhã là nói cái này, "*vô trí, vô đắc*". "*Quyết đoạn nghi võng, chứng vô sở đắc*", chứng đắc trí huệ Bát-nhã viên mãn, đối với điều này không còn hoài nghi nữa.

"***Dĩ phương tiện trí tăng trưởng liễu tri***".

(Dùng phương tiện trí để tăng trưởng hiểu biết).

Chữ "*dĩ phương tiện trí*" là dụng. Chữ "*vô sở đắc*" phía trước là căn bản trí, là trí huệ chân thật. "*Phương tiện trí*" là dùng để giáo hóa chúng sanh, là dùng cho người khác. Còn căn bản trí, thật trí là tự thọ dụng, tự mình thọ dụng, giáo hóa chúng sanh. "*Tăng trưởng liễu tri*", "*liễu tri*" là hậu đắc trí, tức là "*vô sở bất tri* (không gì không biết)". "*Vô sở đắc*" phía trước là Bát-nhã vô tri, khi nó khởi tác dụng thì là "*vô sở bất tri*".

"***Tùng bổn dĩ lai, an trụ thần thông, đắc Nhất Thừa đạo, bất do tha ngộ***".

(Từ xưa đến nay an trụ trong thần thông, đắc đạo Nhất Thừa, chẳng do cái gì khác mà khai ngộ).

"*Bổn*", là nguyên bổn, căn bổn. "*Tùng bổn dĩ lai, an trụ thần thông*", năng lực này của Bồ-tát ở cõi Cực Lạc đều do oai thần bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì. Bổn nguyện tức là bốn mươi tám nguyện, trong bốn mươi tám nguyện, bất cứ một nguyện nào cũng đều hàm nhiếp bốn mươi bảy nguyện kia, nguyện nguyện viên dung. Cho nên sức mạnh này không thể nghĩ bàn. "*Đắc Nhất Thừa đạo, bất do tha ngộ*", Pháp môn này của chúng ta, Pháp Tạng Tỳ-kheo vừa mới mở đầu liền biểu hiện toàn nhờ vào Phật lực. Hoàn toàn nhờ vào Di-đà nguyện lực gia trì cho chúng ta, khiến chúng ta trên đường Bồ-đề, trong thời gian cực ngắn, viên mãn thành tựu.

Phẩm tiếp theo cũng rất quan trọng, tiếp tục thuyết minh diệu hạnh tự lợi, lợi tha.

CHÂN THẬT CÔNG ĐỨC ĐỆ TAM THẬP NHẤT
PHẨM BA MƯƠI MỐT: CÔNG ĐỨC CHÂN THẬT

Đây đều là nói về tình trạng của thế giới Cực Lạc, nói cách khác, có quan hệ mật thiết với chúng ta, nguyện vọng của chúng ta là hy vọng có thể nhanh chóng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc.

"***Kỳ trí hoằng thâm, thí như cự hải (1). Bồ-đề cao quảng, dụ nhược Tu-di (2)***".

(Trí huệ họ sâu rộng như biển cả. Bồ-đề cao rộng như Tu-di).

Ở đây tổng cộng có mười lăm tỉ dụ. Trước tiên từ trên tỉ dụ để nói ra trí huệ, đức năng của Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Câu thứ nhất nói trí huệ của họ sâu rộng giống như biển cả. Kỳ thật nếu so sánh biển cả với trí huệ của Bồ-tát thì biển cả kém rất xa. Phàm là tỉ dụ, thì chỉ có thể tỉ dụ một cách tương tự, không có cách gì ví được vừa đúng. Chỉ so sánh được một cách tương tự, khiến chúng ta từ chỗ này mà lĩnh hội. "*Bồ-đề*" là giác ngộ, giác ngộ tất cả, không có thứ nào không giác. Không giác là mê. Tại sao họ giác ngộ cao độ như vậy? Điều thứ nhất, trí huệ quả thật là căn bản, không có trí huệ thì bạn làm sao không mê. Tại sao mê? Vì không có trí huệ, trí huệ được đặt ở câu đầu tiên rất có đạo lý. Những phần sau đều phải nhờ vào trí huệ, không có trí huệ thì không làm được. Cho nên giác ngộ của họ cao rộng. "*Dụ nhược Tu-di*" là giống như núi Tu-di. Núi Tu-di, Phật nói là ngọn núi cao nhất trên thế giới này của chúng ta. Tu-di là tiếng Phạn, ý nghĩa là diệu cao, "diệu" là do các thứ báu tạo thành, đây là núi báu cao vô cùng.

"Tự thân oai quang, siêu ư nhật nguyệt" (3).
(Oai quang nơi thân vượt xa nhật nguyệt).

Trên thân Bồ-tát đều có ánh sáng, ở phía trước chúng ta đã đọc qua, ánh sáng của họ sáng hơn nhật nguyệt, đây là hiển thị ra đức cao.

"Kỳ tâm khiết bạch, do như tuyết sơn" (4).
(Tâm trong trắng như tuyết sơn).

Thế Tôn thường lấy tuyết sơn làm ví dụ, đó chính là núi Hy Mã Lạp Sơn quanh năm tuyết phủ, tuyết không tan chảy. Chúng ta nhìn thấy một màn trắng xóa, trông rất sạch sẽ, dùng cái này để tỉ dụ cho tâm của Bồ-tát thanh tịnh, mảy trần không nhiễm. Giống như Lục Tổ nói: "*Bổn lai vô nhất vật* (xưa nay không có một vật)".

"Nhẫn nhục như địa, nhất thiết bình đẳng" (5).
(Nhẫn nhục như đất, hết thảy bình đẳng).

Những chỗ này chúng ta thảy đều phải học tập. Chư Phật Bồ-tát đều có thể "*nhẫn*", thì chúng ta tại sao không thể "nhẫn"? "*Nhẫn nhục*" thì phải học đại địa. Bạn xem đại địa, đem nước hoa đổ lên nó, nó cũng không cảm thấy bạn đối với tôi rất tốt, ngày ngày đổ nước hoa cho tôi. Bạn mỗi ngày đem phân đổ lên nó, nó cũng không chê bỏ, nó cũng không nói ngươi thật đáng ghét, ngày ngày khinh rẻ ta. Cả thảy đều có thể nhẫn được. Chúng ta phải nhẫn nhục như đại địa vậy, chẳng có thứ gì không thể bao dung, chẳng có thứ gì không thể nhẫn chịu, hết thảy bình đẳng.

"Thanh tịnh như thủy, tẩy chư trần cấu" (6).

(Thanh tịnh như nước, rửa sạch trần cấu).

Đây là nói tâm địa *thanh tịnh*, phải tu hạnh thanh tịnh, đem ô nhiễm của chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay tẩy rửa cho sạch sẽ. Phật trong kinh này dạy chúng ta "*sái tâm dịch hạnh* (rửa lòng, đổi hạnh)".

"Xí thạnh như hỏa, thiêu phiền não tân" (7).

(Hừng hực như lửa, đốt củi phiền não).

"*Hỏa*" là tỉ dụ cho trí huệ. Trí huệ phải thường hiện tiền, trí huệ hiện tiền thì có thể diệt phiền não. Phiền não giống như "củi", lửa vừa đốt thì thiêu rụi củi. Ví phiền não như củi, ví trí huệ như lửa. Dùng trí huệ mới thật sự diệt được phiền não. Định không thể diệt được phiền não, định là phục phiền não. "Nhẫn, định" là phục phiền não, không thể diệt phiền não. **Huệ** khai mở rồi thì phiền não không còn nữa, hiểu rõ chân tướng sự thật rồi thì sẽ không sanh phiền não nữa.

"Bất trước như phong, vô chư chướng ngại" (8).

(Không chấp trước như gió, không có chướng ngại).

"*Bất trước*" tức là không trước tướng, "*trong không trước tướng của thân tâm, ngoài không trước tướng của chư pháp*". Vậy thì tự tại, không có chướng ngại rồi. Tất cả chướng ngại đều từ chấp trước mà sinh ra. Bạn "*trước*" thì có chướng ngại, không "*trước*" thì không có chướng ngại. Cho nên không "*trước*" giống như gió vậy. Gió vừa "*trước*" thì không còn nữa, gió đã ngưng rồi, dính mắc rồi, dùng điều này để làm tỉ dụ.

"Pháp âm lôi chấn, giác vị giác cố" (9).

(Pháp âm như sấm vang, thức tỉnh kẻ chưa giác).

Đây là nói Bồ-tát giáo hóa chúng sanh, âm thanh thuyết pháp giống như tiếng sấm, nghe rất xa, cảnh giác những kẻ chưa giác ngộ.

"Vũ cam lồ pháp, nhuận chúng sanh cố" (10).

(Mưa pháp cam lồ để thấm nhuần chúng sanh).

Nước mưa từ trên trời rơi xuống, cây cối cỏ hoa đều được thấm nhuần. Đây là tỉ dụ cho Phật pháp, Phật pháp có thể làm tươi nhuần thiện căn của tất cả chúng sanh.

"Khoáng nhược hư không, đại từ đẳng cố" (11).

(Thênh thang như hư không vì đại từ bình đẳng).

Chữ "*khoáng*" này là hình dung tâm lượng lớn như hư không, đối với tất cả chúng sanh là từ bi bình đẳng, đại từ bi.

"Như tịnh liên hoa, ly nhiễm ô cố" (12).
(Thanh tịnh như hoa sen, lìa xa ô nhiễm).

Phật môn dùng hoa sen để biểu pháp, sen mọc từ bùn nhơ mà không bị ô nhiễm. Bùn nhơ là tỉ dụ cho hoàn cảnh của lục đạo, chúng ta có thể ở trong lục đạo mà không nhiễm các thứ tập khí trong lục đạo, giống như hoa sen lìa ô nhiễm.

"Như Ni-câu thụ, phú ấm đại cố" (13).
(Như cây Ni-câu tỏa bóng che rộng rãi).

Chữ "*Ni-câu*" là tiếng Phạn, là một loại cây lớn ở Ấn độ, bóng cây này rất rộng lớn, ngồi dưới cây này rất mát. Thời xưa phiên dịch thành cây vô kết, có lẽ cây này mọc rất cao rất lớn, rất ít cành nhánh. Ví dụ này là nói lấy Phật Pháp Đại Thừa để che mát, làm lợi ích cho chúng sanh rộng lớn, đặc biệt là chỉ cho Pháp môn niệm Phật của Tịnh Tông. Chín giới hữu tình chúng sanh có duyên tiếp xúc đến đều được lợi ích thù thắng. Nếu tin được, nguyện được, hành được thì đều là một đời Bất Thoái thành Phật, quả thật như một bóng cây khổng lồ vậy.

"Như kim cang xử, phá tà chấp cố" (14).
(Như chùy kim cang phá tan tà chấp).

Đây cũng là tỉ dụ, như kim cang lực sĩ trên tay cầm chùy kim cang. Vào thời xưa, loại vũ khí này là bén nhọn nhất, tất cả khí giới đụng đến nó đều bị hư hoại, không có vật gì có thể làm hư hoại chùy kim cang. Chùy kim cang tỉ dụ cho vũ khí bén nhọn nhất, có thể phá tà chấp.

"Như Thiết-vi sơn, chúng ma ngoại đạo bất năng động cố" (15).
(Như núi Thiết-vi, tà ma ngoại đạo không lay động được).

Đây là tỉ dụ tín tâm, nguyện tâm kiên định. Tất cả tà ma ngoại đạo, tất cả tri kiến đều không thể lay động, người này nhất định vãng sanh Tịnh Độ.

Mười lăm câu phía trên đều là tỉ dụ, chúng ta từ những tỉ dụ này để lĩnh hội đức năng của Bồ-tát không thể nghĩ bàn. Trí huệ đức năng vô cùng quảng đại. Chúng ta sanh đến thế giới Tây Phương đều như vậy, đây đều là được Phật lực gia trì.

"***Kỳ tâm chánh trực, thiện xảo quyết định, luận pháp vô yếm***".
(Tâm họ chánh trực, khéo giỏi quyết định, luận pháp không chán).

Dưới đây là nói rõ đức lớn hoằng pháp lợi sanh của Bồ-tát. "*Tâm chánh trực*", chân thành đến chỗ cùng cực. Đây là tâm Bồ-tát, Bồ-tát Mã Minh trong Khởi Tín Luận nói: "Trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm". "Trực tâm" là thể của tâm Bồ-đề. Thế Tôn trong Quán Kinh nói "chí thành tâm". Cho nên "*chánh trực*", chính là chí thành, chân thành đến chỗ cùng cực. "*Thiện xảo quyết định*", đây là trí huệ, quán cơ, ứng cơ mà thuyết pháp. Người này căn cơ gì thì nói cho họ pháp đó, từ từ dẫn dắt họ vào Tịnh Độ. Cho nên ngàn kinh muôn luận, thảy đều có cùng chỗ quy nhất, đến sau cùng nhất định quy nhất về Tịnh Độ. "*Luận pháp vô yếm*", đây là giác tha, là giảng kinh thuyết pháp cho tất cả chúng sanh, cùng mọi người thảo luận không mỏi không mệt không chán.

"***Cầu pháp bất quyện***".

(Cầu pháp không mỏi mệt).

Đây là tự tánh, Bồ-tát không ngừng đi cầu pháp. Thực tế giáo hóa chúng sanh cũng là đang cầu pháp. Cổ nhân thường nói "*giáo học tương trưởng*" (dạy và học trợ giúp lẫn nhau), đặc biệt là trong lúc vấn đáp, có rất nhiều vấn đề tự chúng ta không nghĩ đến, có người vừa hỏi thì chúng ta hiểu rõ ngay, thì trí huệ liền hiện tiền. Bởi thế nên "**Bồ-tát không độ chúng sanh thì không thể viên thành Phật đạo**". Tại sao vậy? Vì trí huệ không thể viên mãn, nhất định phải tiếp xúc với quảng đại quần chúng thì mới có được trí huệ viên mãn.

"***Giới nhược lưu ly, nội ngoại minh khiết***".

(Giới như lưu ly, trong ngoài sáng sạch).

Hai câu này là nói nghiêm trì giới luật. Nói cách khác, Bồ-tát bất luận ở trong hoàn cảnh nào, họ nhất định phải giữ pháp, nhất định không phạm pháp. Trì giới tức là giữ pháp, điều này chúng ta nên rõ ràng. Nếu tách rời giới và pháp thì quá đỗi sai lầm! Chữ "giới" này tức là pháp luật, trong đó bao gồm đạo đức, phong tục, tập quán. Phải tuân thủ mọi thứ, nhất định không vi phạm, đây là Bồ-tát hạnh, họ giữ được rất nghiêm, rất như pháp. "*Nội ngoại minh khiết*", "*ngoại*" là thân hình, "*nội*" là tâm địa, tâm thanh tịnh.

"***Kỳ sở ngôn thuyết, linh chúng duyệt phục***".

(Nói ra điều gì đều làm cho người vui tín phục).

Bồ-tát nói ra những gì, chúng sanh nghe rồi đều rất hoan hỉ, đều rất vui lòng tiếp nhận.

"***Kích pháp cổ, kiến pháp tràng, diệu huệ nhật, phá si ám***".

(Đánh trống pháp, lập pháp tràng, sáng huệ nhật, phá si ám).

Bốn câu này là hình dung, cũng là tỉ dụ. "*Cổ*" tức là trống, âm thanh nghe rất xa, Thời xưa, khi chiến tranh thì đánh trống trận, đánh trống xung phong lâm trận. Đánh trống có thể khiến lòng người phấn chấn, nghe được rất xa, đây là tỉ dụ cho giảng kinh thuyết pháp. Dùng "*kích pháp cổ*" cùng "*chuyển pháp luân*" đều là tỉ dụ cho giảng kinh thuyết pháp. "*Kiến pháp tràng*" là tỉ dụ cho xây dựng đạo tràng. Nếu không có đạo tràng thì sự tu học Phật pháp không có trung tâm, hoằng dương không có cơ sở. Cho nên đạo tràng là vô cùng quan trọng. Nếu không có đạo tràng thì pháp môn này xem như không được xây dựng tại thế gian này. Tại Trung Quốc, nhiều Tông phái Đại Thừa đều gọi là Tổ Đình. Tổ Đình tức là đạo tràng đầu tiên của họ, năm xưa do Tổ Sư xây dựng. Như Tịnh Độ Tông của chúng ta, đạo tràng đầu tiên là do Huệ Viễn Đại Sư xây dựng tại Lô Sơn, tức là Lô Sơn Đông Lâm Tự hiện nay. Về sau có Huyền Trung Tự bên Ngũ Đài Sơn là đạo tràng phục hưng Tịnh Độ. Đến năm đầu Dân Quốc, Ấn Quang Đại Sư ở tại Linh Nham Sơn, Tô Châu, ở thời gian rất lâu, Ngài ở đó chuyên hoằng Tịnh Độ. Cho nên Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu cũng trở thành đạo tràng chủ yếu của Tịnh Tông. Cho nên hiện nay đạo tràng chủ yếu của Tịnh Tông có ba cái, đây là ý nghĩa của "*kiến pháp tràng*". "*Diệu huệ nhật*", có được pháp tràng, có đạo tràng rồi thì mới có thể đem trí huệ của Như Lai, cũng tức là trí huệ vốn sẵn có của tất cả chúng sanh hiển hiện ra. Điều này phải nhờ đến sự chỉ dạy, tu học trong Phật pháp, thì trí huệ của chúng ta mới có thể hiện tiền. "*Phá si ám*", "*si ám*" là ví cho vô minh phiền não, ý nghĩa bên trong rất sâu.

"***Thuần tịnh ôn hòa, tịch định minh sát***".

(Thuần tịnh ôn hòa, tịch định sáng suốt).

Đây là nói về phong độ xử thế đối người tiếp vật của Bồ-tát. Bên trong thuần phác mộc mạc, thuần chánh, ngoài thì "*ôn hòa*". Bên trong là *thuần tịnh*, thanh tịnh, "thuần phác thanh tịnh", bên ngoài ôn hòa "ôn lương, hòa mục". "*Tịch định minh sát*", "*tịch định*" nhất định phải làm được biết liêm sỉ, biết đủ. Người biết liêm sỉ, biết đủ thì tâm tự nhiên được định. Sau khi định rồi thì sanh trí huệ, nhìn thấy hết thảy vạn sự vạn vật rất rõ ràng. Người thông thường tại sao không nhìn thấy được? Người thông thường mê trong cảnh giới này, họ có được mất, có lợi hại, những thứ này là mê. Tục ngữ thường nói: "*đương cục giả mê, bàng quang giả thanh*" (người trong mê, người ngoài tỉnh), "bàng quang" gì vậy? Họ bên trong không có lợi hại, không có được mất, họ nhìn thấy rõ ràng. Khi có được mất, có lợi hại thì họ đều đặt những thứ này lên phía trước, lấy cái này làm tiêu

chuẩn, cho nên thường không thấy được chân tướng sự thật. Bồ-tát nội tâm thuần tịnh, "*tịch định*", cho nên họ quan sát rất chính xác, "*minh sát*".

"***Vi đại đạo sư***".
(Làm đại đạo sư).

Đại đạo sư là Phật. Bồ-tát có thể gọi như vậy. Bởi vì Bồ-tát có năng lực này. Nên lấy thân Phật mà độ được thì Bồ-tát liền hiện thân Phật đến để độ hóa chúng sanh. Các Ngài quả thực có năng lực này, có bản lãnh này. Đương nhiên đây là một ứng thân trong ba mươi hai ứng thân của Bồ-tát, họ cũng có thể lấy thân Bồ-tát, cũng có thể lấy thân đồng nam đồng nữ, cũng có thể lấy bất cứ loại thân phận nào, đây hoàn toàn là quán căn cơ. Chúng sanh ưa thích thân phận gì thì họ liền thị hiện thân đó.

"***Điều phục tự tha***".
(Điều phục cả mình lẫn người).

Câu này bên trong có chữ "*tự*" tức là Bồ-tát độ hóa chúng sanh là "tự lợi lợi tha".

"***Dẫn đạo quần sanh, xả chư ái trước***".
(Dẫn dắt quần sanh, xả bỏ ái trước).

Đây là nguyên tắc Phật Bồ-tát chỉ dạy tất cả chúng sanh, điều này quý vị phải ghi nhớ. **Nếu Bồ-tát giáo hóa chúng sanh, dạy bạn ái, dạy bạn tham luyến thì đây không phải là Phật pháp, đây nhất định là ma. Phật Bồ-tát dạy bạn, nhất định là dạy bạn xả lìa ái dục, đây là tương ưng với giáo pháp của Phật. Nếu dùng ái dục để độ bạn, nói: "Cái này cũng có thể thành tựu" thì đây không phải lời Phật nói.**

"***Vĩnh ly tam cấu, du hý thần thông***".
(Vĩnh viễn xa hẳn ba độc, thần thông tự tại).

"*Tam cấu*" là tham sân si, vĩnh ly tham sân si. Ở thế gian này, chúng ta là thân nghiệp báo, tự mình không làm chủ được, còn họ là "*du hý thần thông*", họ có thể làm chủ được, thích đến là đến, thích đi là đi, "*lai khứ tự như*", chúng ta ở phía trước đã đọc qua điều này.

"***Nhân duyên nguyện lực, xuất sanh thiện căn***".
(Nhân duyên nguyện lực phát sanh thiện căn).

Phật Pháp từ đầu đến cuối không lìa khỏi nhân duyên, không những Phật Pháp không lìa nhân duyên mà thế gian pháp cũng không lìa nhân duyên. Phật đặc biệt coi trọng chữ "*duyên*", "*xuất sanh thiện căn*", đây là nhân duyên của Phật pháp có thể khiến chúng ta sanh ra thiện căn.

"***Tồi phục nhất thiết ma quân***".

(Phá dẹp hết thảy ma quân).

"*Ma quân*", là tỉ dụ tất cả tà ma ngoại đạo. Ở đây chúng ta cần phải nhận rõ ma là gì? Nếu bạn không nhận biết được ma thì bạn sẽ rơi vào cạm bẫy của ma. Chúng ta thường nói, bạn không thoát khỏi bàn tay của ma. Nếu bạn muốn thoát khỏi bàn tay của ma thì bạn nhất định phải biết được ma. Ma là gì? Chúng ta phải nhớ thật kỹ. Trong kinh Bát Đại Nhân Giác quy nạp thành bốn loại lớn. Ngũ Ấm là ma, ngũ ấm là gì? "*Sắc, thọ, tưởng, hành, thức*". "*Sắc*" là gì? Là sắc thân, thân thể này của chúng ta chính là ma. Bạn xem, hằng ngày phải ăn ba bữa cơm, làm việc cực khổ để nuôi dưỡng nó, ma đấy! Đây không phải là việc tốt. Còn chữ "*tưởng*" tức là vọng tưởng, vọng tưởng là ma. Phiền não là ma, sanh tử là ma. Còn có các thứ cảnh giới ở bên ngoài, hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất, đều đang dụ hoặc bạn, đó đều là ma, gọi là thiên ma. Cho nên thiên ma không phải loại mặt xanh nhe răng nanh ở trên trời. Chữ "*thiên*" là nói trừ ba loại này ra, phàm những gì có thể dụ hoặc bạn, khiến thân tâm bạn không thể định được, không thể khai trí huệ, cả thảy đều là ma, ma quái quá nhiều. Giống như quân đội vậy, quân đội nhiều nên tỉ dụ nó là "ma quân". Nhất định phải có định, có huệ, thì bạn mới có thể hàng phục nó.

"***Tôn trọng phụng sự chư Phật***".

Chúng ta có thể hàng ma, tức là nói, trong không động tâm, ngoài không bị dụ hoặc. Đây chính là hàng ma. Sau đó nhất tâm nhất ý học Phật, theo chư Phật Bồ-tát học tập. Chúng ta ngày nay theo A-di-đà Phật học tập, A-di-đà Phật ở ngay trong bộ kinh điển này, chiếu theo kinh điển này mà học tập tức là học tập theo A-di-đà Phật vậy.

"***Vi thế minh đăng, tối thắng phước điền***".

(Làm đèn sáng cho thế gian, ruộng phước tối thắng).

Người có thể tu học như vậy thì họ là ngọn đèn sáng của thế gian này. Người thế gian đều mê hoặc điên đảo còn họ thì không mê, không nhiễm, không tà, không điên đảo, có thể làm gương mẫu cho người thế gian, chỉ dẫn cho người đời

một con đường quang minh hạnh phúc, đây chính là đèn sáng cho thế gian, phước điền thù thắng nhất.

"***Thù thắng cát tường, kham thọ cúng dường***".

(An lành tột bậc, đáng được cúng dường).

Câu "*kham thọ cúng dường*" này bên trong có ý nghĩa rất sâu. Vì sao? Bởi vì họ là phước điền thù thắng nhất. Chúng ta muốn trồng phước, muốn tu phước, thực tế mà nói, [chúng ta] không biết đâu là phước điền. Chúng ta thường phát lòng tốt, muốn đi tu phước, kết quả lại làm việc xấu mà không hay biết.

Trước kia lão Hòa thượng Đạo Nguyên có kể cho chúng tôi một câu chuyện, tức là lấy ví dụ, người ngu si tu phước, trồng sai phước điền. Ngài dùng tỉ dụ để kể rằng: Có một người chủ nuôi một con khỉ, chủ nhân rất ưa thích nó, vô cùng thương yêu bảo hộ nó. Chú khỉ này đối với chủ nhân cũng vô cùng tốt, cũng rất hiểu ý của chủ nhân. Một hôm, người chủ đang ngủ trưa, có một con ruồi đậu ngay trên mũi của chủ nhân. Chú khỉ thấy được, vô cùng tức giận, liền lấy hòn đá để đập con ruồi kia. Chú khỉ có lòng tốt, lấy đá để đuổi con ruồi, nào ngờ ruồi chưa kịp đuổi thì đã đập vỡ mũi của chủ nhân mình. Đây là ví cho ngu si không có trí huệ, đã trồng sai phước điền.

Cho thấy trồng phước điền không phải là một việc dễ dàng. Bồ-tát có trí huệ, có đức lớn như vậy, chúng ta nương tựa họ, chúng ta cúng dường họ. Họ trồng phước thay chúng ta. Tự chúng ta không biết trồng phước, họ sẽ trồng thay chúng ta, ý nghĩa là ở chỗ này. Họ là thù thắng nhất, kiết tường nhất. "*Kham thọ cúng dường*", Phật ở chỗ này khích lệ chúng ta nên cúng dường những Bồ-tát này. Họ làm các sự nghiệp, chúng ta đều được thơm lây, chúng ta đều có một phần công đức lợi ích chân thật.

"***Hách diệc hoan hỷ***".

(Hiển hách hoan hỷ).

"*Hách diệc*" là vẻ sáng bừng, là hình dung dũng mãnh, không sợ hãi.

"***Thân sắc tướng hảo, công đức biện tài, cụ túc trang nghiêm, vô dữ đẳng giả***".

(Thân tướng đẹp đẽ, công đức biện tài đầy đủ trang nghiêm, không ai sánh được).

Không ai có thể sánh bằng họ. Thực tế không những những Bồ-tát này tự mình tu hành tinh tấn dũng mãnh mà còn được oai thần của Di-đà gia trì, mười phương Như Lai hộ niệm. Nếu so với những Bồ-tát thông thường đương nhiên là siêu thắng hơn. A-di-đà Phật siêu thắng hơn chư Phật thì Bồ-tát của thế giới Tây Phương nhất định cũng siêu thắng hơn các Bồ-tát của thế giới phương khác.

"***Thường vi chư Phật sở cộng xưng tán, cứu cánh Bồ-tát chư Ba-la-mật***".

(Thường được chư Phật cùng khen ngợi, Bồ-tát rốt ráo các Ba-la-mật).

Bồ-tát của thế giới Cực Lạc thường được mười phương tất cả chư Phật Như Lai tán thán. Trong Bồ-tát đạo, họ đích thật là thành tựu viên mãn. Chữ "*chư Ba-la-mật*" tức là thành tựu viên mãn. Nếu nghiêm khắc chỉ cho Bồ-tát hạnh thì chính là Lục Độ. Từ bố thí, trì giới cho đến Bát-nhã đều làm được rất viên mãn.

"***Nhi thường an trụ bất sanh bất diệt chư Tam-ma-địa. Hạnh biến đạo tràng, viễn Nhị Thừa cảnh***".

(Nhưng thường an trụ vào Tam-ma-địa bất sanh bất diệt. Đến khắp đạo tràng, xa lìa cảnh Nhị Thừa).

Đây là sự thành tựu chứng quả của Bồ-tát. "*Thường*" là không phải tập trung nhập định như thông thường. Người có định công cạn cần phải nhập định thì họ mới có thể nhập vào cảnh giới định. Người có định công sâu, đi đứng nằm ngồi đều ở trong định, không cần phải nhập định. "*Thường*" là ý nghĩa này, đi đứng nằm ngồi đều ở trong định. "*Trụ Tam-ma-địa*", tức là ở trong định. "*Hạnh biến đạo tràng*", đạo tràng là mười phương tất cả cõi Phật, Bồ-tát thường đi du lịch không ngừng. "*Viễn Nhị Thừa cảnh*", họ tuyệt đối không đọa vào Nhị Thừa. Nhị Thừa là chỉ người Tiểu Thừa, chỉ tự lợi không chịu lợi tha. **Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc không có ý niệm này, niệm niệm đều làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, niệm niệm đều khuyên người vãng sanh Tịnh Độ, chỉ có vãng sanh Tịnh Độ mới là lợi ích chân thật rốt ráo, lập tức đạt được lợi ích, điều này phải biết.**

"***A-nan! Ngã kim lược thuyết***".

(A-nan! Ta nay lược nói).

Phật gọi Tôn giả A-nan, trong đại hội này chỉ giới thiệu sơ lược mà thôi.

"***Bỉ Cực Lạc giới sở sanh Bồ-tát chân thật công đức, tất giai như thị***".

(Công đức chân thật của các Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc kia, tất cả đều như vậy).

Đây là nói với chúng ta, công đức chân thật của Bồ-tát sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc giống như Phật nói:

"***Nhược quảng thuyết giả, bá thiên vạn kiếp bất năng cùng tận***".

(Nếu nói rộng ra, trải trăm ngàn vạn kiếp cũng không hết được).

Phật chỉ giới thiệu đơn giản, nếu nói kỹ thì trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp cũng nói không hết! Sự thù thắng của thế giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta từ chỗ này cũng có thể lĩnh hội được một chút. Phẩm sau đây cũng là một đoạn khai thị rất quan trọng của kinh này. Ở đây là Phật muốn đặc biệt dặn dò. Từ phía trước cho đến phẩm thứ ba mươi mốt, Tôn giả A-nan làm đương cơ, Phật đều gọi "A-nan, A-nan". Bắt đầu từ phẩm này Di-lặc Bồ-tát làm đương cơ.

THỌ LẠC VÔ CỰC ĐỆ TAM THẬP NHỊ
PHẨM BA MƯƠI HAI: THỌ LẠC KHÔNG CÙNG TẬN

Từ phẩm này đến hết phẩm ba mươi bảy, có thể nói đối với mỗi người muốn cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, trong sinh hoạt hằng ngày, chúng ta phải làm thế nào, phải tu trì cách nào, đây là cương lĩnh chân thật, là lời giáo huấn quan trọng. Cho nên đồng học Tịnh Tông chúng ta chọn đoạn kinh văn này làm khóa tối, vì chúng ta không có thời giờ mỗi ngày niệm toàn bộ kinh Vô Lượng Thọ. Khóa sáng chúng ta niệm phẩm thứ sáu, còn khóa tối niệm từ phẩm ba mươi hai đến ba mươi bảy, niệm sáu phẩm này. Đây là dạy chúng ta tu trì như thế nào, lời giáo huấn trong đó, những việc gì Phật cấm chúng ta làm thì chúng ta không nên làm, những việc gì Phật dạy chúng ta nhất định phải làm thì chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực làm, vậy là đúng.

"***Phật cáo Di-lặc Bồ-tát, chư thiên nhân đẳng:***".

(Phật bảo Di-lặc Bồ-tát và các hàng trời người:).

Di-lặc là thượng thủ. Lúc bấy giờ số người tham gia pháp hội rất đông. Nói về chư thiên thì Di-lặc Bồ-tát là đại Bồ-tát của trời Đâu-suất, cho nên phía sau nói có các hàng trời, người.

"***Vô Lượng Thọ quốc, Thanh văn Bồ-tát, công đức trí huệ, bất khả xưng thuyết***".

(Công đức trí huệ của Thanh Văn, Bồ-tát ở cõi Đức Phật Vô Lượng Thọ không thể nói hết được).

Điều này chúng ta không cần nói kỹ, phía trước đã giảng rất nhiều rồi.

"***Hựu kỳ quốc độ, vi diệu an lạc, thanh tịnh nhược thử***".

(Cõi nước kia lại vi diệu an lạc thanh tịnh như vậy).

Tại sao Phật không gọi A-nan mà gọi Di-lặc Bồ-tát? Từ câu nói phía sau của Thế Tôn thì chúng ta liền hiểu rõ ngay. Nói đến công đức trí huệ của Thanh Văn Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, lại nói đến thế giới Tây Phương là quốc độ vi diệu an lạc thanh tịnh như vậy. Bởi vì Di-lặc Bồ-tát thường đến đó, nên [Thế Tôn] vừa nhắc đến thì [Ngài Di-lặc] cảm thấy rất thân thuộc. Tôn giả A-nan vẫn chưa thấy được, nói với Ngài như thế nào Ngài cũng không lĩnh hội được. Di-lặc Bồ-tát thường đi, nên nói với Di-lặc Bồ-tát. Điều này vô cùng thân thiết. Đây là nói Di-lặc Bồ-tát: "Ông biết, còn người khác không biết, ông đã từng đến, thường đi, nên ông phải rất rõ ràng minh bạch". Ý nghĩa là ở chỗ này.

"***Hà bất lực vi thiện, niệm đạo chi tự nhiên***".

(Sao không ra sức làm lành, niệm Phật sẽ hồi phục được tự tánh thanh tịnh?).

Câu nói này là khích lệ Di-lặc Bồ-tát, đồng thời cũng khích lệ đại chúng dự hội, vì sao không nỗ lực tu thiện? Tại sao không niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Thực tế mà nói, "*niệm đạo chi tự nhiên*" tức là khuyên chúng ta phải tin sâu phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Cầu sanh Tịnh Độ mới là *niệm đạo chi tự nhiên*. Nếu nghiêm khắc mà nói, niệm "Nam-mô A-di-đà Phật" chính là *đại đạo tự nhiên*. Bởi vì trong kinh này, Phật nói với chúng ta, câu Phật hiệu này chính là đức hiệu của tự tánh chúng ta. Đức hiệu của tự tánh không phải là tự nhiên thì là gì? Đồng thời là danh hiệu của vị Đạo Sư ở Tây Phương, cũng là tên gọi tánh đức của chính mình.

"***Xuất nhập cúng dường, quán kinh hành đạo, hỷ nhạo cửu tập, tài mãnh trí huệ, tâm bất trung hồi, ý vô giải thời. Ngoại nhược trì hoãn, nội độc sử cấp, dung dung hư không, thích đắc kỳ trung, trung biểu tương ưng***".

(Xuất nhập cúng dường, quán kinh hành đạo, ưa thích tu tập lâu dài. Trí huệ sáng suốt, tâm không thoái chuyển, ý không giải đãi. Ngoài hiện an nhàn, trong lại tinh tấn. Tâm như hư không, đạt đến trung đạo. Trong ngoài tương ưng).

Đoạn này hình dung Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Phật không nói những lời này với A-nan mà nói với Di-lặc. Phía trước nói với A-nan thì nói cạn, chúng ta nghe rồi cũng có thể tiếp nhận, có thể nghe hiểu được. Còn nói với Di-lặc Bồ-tát thì nói sâu, chúng ta không dễ lĩnh hội. Tuy nhiên không thể không nói, tại sao vậy? Nói ra rồi chúng ta mới biết Tây Phương quả thật là thù thắng đệ nhất, không gì sánh bằng. Chúng ta có thể lĩnh hội được những điều tốt đẹp và

lợi ích [khi sanh] đến thế giới Tây Phương Cực Lạc ở phẩm kinh này thì làm gì có đạo lý không phát tâm cầu sanh chứ.

"*Xuất nhập cúng dường*", "*xuất*" là đến thế giới phương khác cúng dường chư Phật Như Lai. "*Nhập*" là trở về, cúng dường bổn sư A-di-đà Phật Như Lai. "*Xuất nhập cúng dường*" là cúng dường tu phước. "*Quán kinh hành đạo*" là tu huệ. "*Quán kinh*", không nói là đọc kinh, không nói là nghiên cứu kinh. Đọc, nghiên cứu sẽ không hiểu tường tận ý kinh, "*quán*" là hiểu tường tận, "*quán*" là quán chiếu, hoàn toàn dùng Bát-nhã, không dùng tâm ý thức. "*Hành đạo*" là hạnh của ba nghiệp thân ngữ ý hoàn toàn tương ưng với tâm tánh, hoàn toàn tương ưng với Bát-nhã, đây là hành đạo, đây là thuộc về tu huệ. Phước huệ song tu. "*Hỷ nhạo cửu tập*", là hoan hỉ khoái lạc, vĩnh viễn tu học, thâm nhập sâu hơn.

"*Tài mãnh trí huệ*", giống như tán thán A-di-đà Phật "*cao tài dũng triết*" ở phía trước vậy. A-di-đà Phật ở nhân địa thị hiện "*cao tài dũng triết*", không ngu si như chúng ta. Tuy nhiên chúng ta sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc được oai thần của Phật gia trì thì chúng ta cũng trở thành "*cao tài dũng triết*". Vừa đến thế giới Cực Lạc thì thay đổi ngay, Phật lực gia trì, sức mạnh này không thể nghĩ bàn.

"*Tâm bất trung hồi*", "*hồi*" là nghĩa thoái chuyển. "*Tâm bất trung hồi*" là nói tín tâm kiên định, nhất định không thoái chuyển. Chư vị đồng tu nên biết, chỗ này là nói Bồ-tát ở Cực Lạc. Chư Phật Như Lai Ở mười phương thế giới thành Phật tu học các pháp môn khác nhau. Như chúng ta hiện nay biết có người học Thiền, có người học Mật, có người học Giới luật, có người học Giáo… Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc ngày ngày đều đi ra ngoài tham phỏng, đi tiếp xúc, nghe họ giảng kinh nói pháp, nhưng các Ngài vẫn lão thật niệm A-di-đà Phật, không bị họ ảnh hưởng. Theo vị Bồ-tát này: "Ô! Thiền được lắm! Mình theo họ học tham thiền". Theo vị Bồ-tát kia: "Mật cũng hay! Mình theo họ niệm chú". Vậy thì tâm này bị thoái chuyển rồi.

Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài Đồng Tử năm mươi ba tham, Thiện Tài Đồng Tử tu pháp môn gì? Là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, năm mươi ba vị thiện tri thức, trừ hai vị Tỳ-kheo Đức Vân và Phổ Hiền Bồ-tát tu pháp môn niệm Phật ra, còn năm mươi mốt vị thiện tri thức kia đều tu học các pháp môn khác nhau. Thiện Tài Đồng Tử đi tham phỏng, mọi thứ đều rõ ràng, đều thấu hiểu, xong vẫn lão thật niệm Phật không thay đổi. Chúng ta làm sao biết được Thiện Tài Đồng Tử học pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Vì thầy của Ngài niệm Phật cầu

sanh Tịnh Độ. Chúng ta đừng quên thầy của Ngài là Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát. Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát ở trong kinh Hoa Nghiêm là phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Thầy cầu sanh Tịnh Độ thì môn sinh đắc ý nhất của thầy còn có thể tu pháp môn khác được sao? Đương nhiên là đem pháp môn thù thắng đệ nhất không gì sánh bằng để truyền cho học trò rồi. Cho nên học trò nhất định là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Bạn xem, vừa tham phỏng, người đầu tiên là Tỳ-kheo Đức Vân khuyên Ngài niệm Phật, "tiên nhập vi chủ" (cái nào vào trước thì làm chủ), đến sau cùng Phổ Hiền Bồ-tát mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc từ đầu đến cuối, một câu Phật hiệu niệm Phật vãng sanh. "*Tâm bất trung hồi*", Bồ-tát của thế giới Tây Phương, chỗ tu hằng ngày đều là năm mươi ba tham, đó không phải là thiện tri thức thông thường, họ tham phỏng là mười phương chư Phật Như Lai, một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Hoàn toàn giống như Đại Thế Chí Bồ-tát.

"*Ý vô giải thời*", là một mực tinh tấn, chỉ một mục tiêu, một phương hướng, đúng như trong ba bậc vãng sanh nói "nhất hướng chuyên niệm". "*Ngoại nhược trì hoãn*", "*trì hoãn*" dường như rất an nhàn, rất vô sự. Từ sáng đến tối không có việc gì, tiêu dao tự tại. Bạn nhìn thấy những vị Bồ-tát này dường như đều không có việc gì hết, tiêu dao tự tại. Trên thực tế thì "*nội độc sử cấp*", họ bên trong quả đang dụng công, từ trước đến nay chưa hề giải đãi, họ dụng công gì? Là nhất tâm chuyên niệm A-di-đà Phật, trong tâm niệm không gián đoạn. Cho nên bạn thấy dáng vẻ của họ rất nhàn hạ rất tự tại, rất vui vẻ, giống như từ sáng đến tối không có việc gì làm vậy, nhưng câu Phật hiệu của họ thì miên mật, từ trước đến nay không có gián đoạn.

"*Dung dung hư không, thích đắc kỳ trung*", "*dung dung*" nghĩa là hòa kính, trong Phật môn chúng ta đây cũng là giới điều rất quan trọng. Lục Hòa Kính: kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân. "*Dung dung*" tức là đại chúng ở thế giới Tây Phương Cực Lạc sống chung vô cùng hòa mục. Nhiều người như thế sống chung giống như cha con anh em vậy, vô cùng thân ái, không có chút ý kiến nào, hòa mục biết bao! "*Hư không*" là gì? Tâm của mỗi người đều thanh tịnh, trong hư không một vật cũng không có, tâm thanh tịnh, tâm quảng đại, người người đều là như vậy. "*Dung dung hư không*" nghĩa là tâm lượng quảng đại, thanh tịnh không gì bằng. "*Thích đắc kỳ trung*", chữ "*trung*" là trung đạo. Phật dạy chúng ta dùng "*trung*". Khổng lão Phu Tử cũng dạy chúng ta dùng "*trung*", Phật giảng **Trung Đạo**, nhà Nho giảng **Trung Dung**. Đại thánh nhân của thế xuất thế gian đều hiểu được dùng "trung". "Trung" tức là không thiên lệch, "viên dung trung đạo". Biết được

dùng "*trung*" thì có thể đạt được lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, vì nó không thiên lệch, "*trung*" thì bình đẳng rồi. Còn "*thiên*"? Tâm lệch rồi thì không bình đẳng, họ có sự ưa chuộng hơn, có sự thiên lệch, trung thì không có thiên lệch, phải biết dùng trung. Mọi Bồ-tát của thế giới Tây Phương đều biết dùng "*trung*", "*trung biểu tương ưng*". Bên dưới chữ "*trung*" này là "tâm". "*Biểu*" là biểu hiện ở bên ngoài. Hai chữ "*trung*" này, chữ "*trung*" phía sau ý nghĩa hoàn toàn khác với chữ "*trung*" phía trước. Chữ "*trung*" phía trước nghĩa là trung đạo, chữ "*trung*" phía sau là trung tâm, là bên trong. Tức là trong ngoài nhất như, tuyệt đối không có hư giả, trong ngoài hoàn toàn như nhau. Tâm của bạn hoàn toàn tương ưng với động tác, hành vi mà bạn biểu hiện ra bên ngoài. Đây là trong ngoài nhất như, chúng ta thường gọi cảnh giới này là "vạn pháp viên dung, sự sự vô ngại", họ đều đạt đến cảnh giới này.

"***Tự nhiên nghiêm chỉnh***", là *tự nhiên* nghiêm trang, chỉnh tề, bất luận sự việc gì đều là tự nhiên trang nghiêm chỉnh tề.

"***Kiểm liễm đoan trực. Thân tâm khiết tịnh, vô hữu ái tham***".

(Kiểm điểm, kiềm chế, đoan nghiêm, chánh trực. Thân tâm khiết tịnh, không tham nhiễm ái).

Chỗ này nói về nội đức là tâm địa của Bồ-tát. Thế Tôn nói lời này ý nghĩa chân thật là chỉ dạy chúng ta, chúng ta phải học tập. "*Kiểm*" là kiểm điểm, chúng ta thường nói là phản tỉnh. "*Liễm*" là thu liễm (kiềm chế chính mình). Chúng ta nói đến tu hành chân chánh, hai thời công khóa sáng tối, khóa sáng là nhắc nhở chúng ta đừng quên. Chúng ta cả ngày hôm nay phải tuân thủ lời giáo huấn của Phật, tu sửa tư tưởng kiến giải hành vi của chính mình cho đúng. Khóa tối là phản tỉnh, khóa tối nghiêm túc suy xét lại cả ngày hôm nay Phật chỉ dạy chúng ta, chúng ta có làm được không? Nếu chưa làm, ngày mai phải gấp rút làm, những gì đã làm được phải cố gắng giữ gìn, đừng để mất. Đây là thật sự tu khóa sáng tối, là chân chánh tu hành. Tuyệt đối không phải buổi sáng niệm một biến kinh cho Phật, Bồ-tát nghe: "Ngài xem con rất ngoan, con đã niệm cho Ngài nghe rồi". Đến tối lại niệm một biến cho Ngài nghe, cái này gọi là làm qua loa cho xong chuyện. Phật, Bồ-tát đâu cần nghe những thứ này của bạn. Chúng ta ở trước hình tượng của Phật Bồ-tát, niệm kinh là cầu Phật chứng minh cho chúng ta, con nhất định phải tuân thủ lời dạy của Phật, phải nghiêm túc nỗ lực làm, tu hành. Tu là tu sửa cho đúng, cách nghĩ, cách nhìn, lời nói, cách làm của chúng ta sai rồi, ta theo lời giáo huấn của Phật, sửa lại cho đúng, đây gọi là tu hành. Cho nên khóa sáng

là nhắc nhở chính mình, khóa tối là phản tỉnh. "*Kiểm liễm đoan trực*", "*đoan*" là đoan chính, "*trực*" là chánh trực, đều là từ trên tâm hành mà nói.

"*Thân tâm khiết tịnh*", tâm thanh tịnh thì thân đương nhiên thanh tịnh, cho nên thân sẽ không sanh bệnh. Nhiều đồng tu rất lo lắng: "nếu sanh bệnh thì làm sao đây?" Quý vị nghĩ xem phải làm sao? Họ thật sẽ sanh bệnh, họ nhất định không có biện pháp gì, tại sao? Vì tất cả pháp đều từ tâm tưởng sanh. Họ bây giờ không có bệnh nhưng ngày ngày muốn sanh bệnh thì họ làm sao không sanh bệnh chứ. Họ nhất định sẽ sanh bệnh. Đây là sai lầm. Cách nghĩ sai lầm. Nên đem nó tu sửa lại cho đúng, tu sửa cách nào? Niệm A-di-đà Phật thì không sanh bệnh. Quý vị đã bao giờ thấy A-di-đà Phật sanh bệnh chưa? Cho nên chúng ta ngày ngày niệm A-di-đà Phật thì sẽ không sanh bệnh, tâm lý phải khỏe mạnh. Họ không khởi chánh niệm mà hằng ngày cứ sanh tà niệm, nghĩ đến bệnh tức là tà niệm, trong tâm không thanh tịnh. Chúng ta niệm Phật, tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì thân thanh tịnh, thân không thanh tịnh sẽ sanh bệnh. Thân thanh tịnh thì làm sao sanh bệnh được? Không tu tâm thanh tịnh, không tu thân thanh tịnh, ngày ngày ở đó ô nhiễm, tưởng bệnh, tưởng khổ, tưởng chết đều là ô nhiễm. Ô nhiễm nghiêm trọng. Trong kinh Phật không dạy chúng ta những việc này.

"*Vô hữu ái tham*", "*ái tham*" là ô nhiễm nặng nhất, tâm có tham ái thì thân không thanh tịnh, sẽ thường sanh bệnh. Nếu người không tham ái mà có bệnh thì hầu như không thể. Nếu bạn gặp những người sanh bệnh, bạn hỏi họ: "có phải bạn có ái, có tham không?" Họ nhất định sẽ nói "Có!".

Tôi ở Đài Loan, ở nước ngoài cũng gặp nhiều người trẻ tuổi bị ma quỷ nhập thân, bị nó khống chế, rất không tự tại. Chúng ta thường nói bị "ma nhập". Bản thân họ rất rõ ràng, họ thường bị ma đến quấy nhiễu, hoặc thấy tướng quái lạ hoặc nghe âm thanh [kỳ lạ], thân không làm chủ được, bị sức mạnh bên ngoài khống chế. Có những người bị một hai năm, thời gian rất lâu rồi, họ đến hỏi tôi: "Có biện pháp gì để thoát khỏi cảnh ma này không?". Đầu tiên tôi hỏi họ: "Có phải bạn rất thích thần thông không?" Họ nói: "Phải!", tức là ham thích thần thông, cho nên ma đến nhập vào thân. Nếu bạn đối với chuyện thần thông cảm ứng hoàn toàn không đếm xỉa đến thì cả đời bạn tuyệt đối không bị những ma chướng này. Đều do yêu thích thần thông, ưa thích cảm ứng. Tuổi họ còn trẻ, đều tốt nghiệp đại học, học hành rất giỏi, mắc phải phiền phức này, thật là đáng thương! Cuối cùng họ vào bệnh viện tâm thần, bác sĩ không gọi là "ma nhập" mà gọi là chứng thần kinh phân liệt. Thật đáng thương. Nguyên nhân là gì? Là tham ái thần thông nên gây ra phiền phức này.

Cho nên "*vô hữu ái tham*" là Phật dạy bảo chúng ta, không những chúng ta không tham ái thế gian pháp mà cũng không tham ái Phật Pháp. **Chúng ta ngày nay chỉ lão thật niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, cũng không tham ái các thứ trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc thì mới có thể đi được. Dùng tâm tham ái thì không thể sanh về Tịnh Độ được.** Phật nói với chúng ta tình hình đời sống ở bên đó tất cả đều là tự nhiên nghiêm chỉnh, nếu có tham ái thì là không tự nhiên rồi! Tham ái thì phải đi thiết kế, đi tiến hành. Không tham ái là tự nhiên nghiêm chỉnh, không phải do con người thiết kế, điều hành.

"***Chí nguyện an định, vô tăng khuyết giảm***".
(Chí nguyện an định, không tăng chẳng giảm).

Không có tăng thêm, cũng không có giảm thiểu, đây là hình dung chí nguyện an định. "*Định*" là nhất, chuyên niệm A-di-đà Phật, lấy việc này để trang nghiêm Tịnh Độ. Đối với tất cả cả pháp thế và xuất thế gian, chúng ta biết đủ, chúng ta biết dừng.

"***Cầu đạo hòa chánh***".

"*Hòa*" là bình hòa, công bình.

"***Bất ngộ khuynh tà***".
(Không lầm theo tà).

Không theo tà môn ngoại đạo, không đầu cơ mưu lợi, cái đó là sai lầm, đó là "*khuynh tà*". "*Khuynh*" là té ngã, "*tà*" là bất chánh.

"***Tùy kinh ước lệnh***".
(Tuân theo những lý luận, lời dạy trong kinh).

Câu này vô cùng quan trọng, dạy chúng ta phải y giáo tu hành, phải thuận theo lời dạy bảo trong kinh điển. "*Ước lệnh*" tức là giáo huấn. "*Ước*" là Phật quy định điều khoản cho chúng ta, "*lệnh*" là mệnh lệnh của chư Phật đối với chúng ta, tức là chỉ lời giáo huấn trong kinh điển.

"***Bất cảm tha điệt***".
(Không dám trái phạm).

Nghĩa là nhất định phải tuân thủ, nhất định không dám trái ngược.

"***Nhược ư thằng mặc***".
(Như giữ dây mực).

"*Thằng mặc*" là tỉ dụ chánh tâm, chánh hạnh. "*Thằng mặc*" tức là dây mực, hiện nay không còn thấy nữa. Lớp người già, những người trạc tuổi tôi, bạn nói dây mực có thể họ vẫn còn ấn tượng. Ngày xưa, người thợ mộc muốn cưa gỗ không như bây giờ dùng thước để vẽ đường thẳng. Họ dùng một mảnh gỗ và một sợi dây, tức là dùng thước gỗ ghim lại, một đầu dùng đinh đóng xuống, kéo một sợi dây thẳng rồi búng sợi dây đó để căng thành một đường thẳng, theo đường này mà cưa, đó gọi là "thằng mặc". Hiện nay không còn dùng nữa, hiện nay dùng máy móc để vẽ, vẽ rất thẳng. Máy cưa cũng là cơ giới, căn bản không cần vẽ đường thẳng nữa, quy cách của nó tiến bộ hơn xưa kia rất nhiều. Chữ "thằng mặc" ở chỗ này là tỉ dụ "tâm chánh, hạnh chánh", giống với "*bất cảm tha điệt*" (không dám trái ngược) ở phía trước, có nghĩa là y giáo phụng hành. Phật dạy chúng ta làm thế nào thì chúng ta làm thế đó.

"***Hàm vi đạo mộ, khoáng vô tha niệm, vô hữu ưu tư***".

(Đều vì mộ đạo, rỗng rang vô niệm, không có ưu tư).

Ý nói chỗ suy tư, chỗ ngưỡng mộ của Bồ-tát. "*Mộ*" là gì? Là ngưỡng mộ, ngưỡng mộ đại đạo vô thượng Bồ-đề, trong tâm chúng ta chỉ hâm mộ cái này. Ngoài đại đạo vô thượng Bồ-đề ra, không có gì đáng được hâm mộ. "*Khoáng vô tha niệm*", *khoáng* là trong tâm sạch sẽ, trống trải thênh thang, không có vọng tưởng. Họ không có vọng tưởng. "*Vô hữu ưu tư*", ưu là lo lắng, bận tâm. Ở đây nói không có ưu tư, không có lo lắng, cho nên tâm họ thanh tịnh.

"***Tự nhiên vô vi, hư không vô lập. Đạm an vô dục, tác đắc thiện nguyện. Tận tâm cầu sách, hàm ai từ mẫn, lễ nghĩa đô hợp. Bao la biểu lý, quá độ giải thoát***".

(Tự nhiên vô vi, tâm rỗng như hư không, không lập một pháp. Đạm bạc, an tịnh, vô dục, tạo thành thiện nguyện. Dốc lòng tìm cầu [phương tiện độ sanh], từ bi thương xót, lễ nghĩa gồm đủ. Sự lý viên dung, đạt đến giải thoát)".

"*Tự nhiên vô vi*", là tâm này tự nhiên an trụ trong pháp vô vi, vô vi là gì? Phàm những gì có sanh diệt đều là hữu vi, những gì không có sanh diệt là vô vi. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận Thiên Thân Bồ-tát đem tất cả pháp quy nạp thành một trăm loại lớn. Trong một trăm loại lớn này, chín mươi bốn loại đầu tiên là pháp hữu vi, sáu loại sau cùng là pháp vô vi. Trong pháp hữu vi, cái thứ nhất là tâm pháp, cái thứ hai là tâm sở hữu pháp. Tâm pháp tức là tám thức. Chỗ này nói "tự nhiên vô vi". Bạn xem, tâm và tâm sở họ đều không trụ, điều này cao minh đến cực độ. Trong phần chú giải kinh Lăng-nghiêm, Giao Quang Pháp Sư

nói "**xả thức dụng căn**", thức là gì? Tâm và tâm sở đều xả bỏ rồi, dùng căn, dùng tánh trong căn. Chúng ta thấy, không dùng nhãn thức để thấy mà dùng tánh thấy để thấy. Chúng ta nghe, không dùng nhĩ thức để nghe mà dùng tánh nghe để nghe, đây gọi là "trụ vô vi pháp". Cái này chính là "*tự nhiên vô vi*". Họ được A-di-đà Phật gia trì cho nên tự nhiên vô vi. Kỳ thật pháp vô vi thật sự là tự nhiên. Nếu cố ý làm như vậy thì bạn đã rơi vào tâm ý thức rồi. Bạn không phải là pháp vô vi mà là pháp sanh diệt. Cho nên cái này đích thực là công phu chân thật. Đây là Phật lực gia trì.

"*Hư không vô lập*" (tâm rỗng như hư không, không lập một pháp), tâm này nhất định phải giống như "*hư không*", không "*lập*" một pháp thì mới có thể đạt đến cảnh giới này. Phải làm đến "*đạm an vô dục*", đạm bạc, an nhiên, không có tất cả âu lo. Ngũ dục lục trần của thế gian không còn nữa, cái "dục" trong sự tu hành chứng quả trong Phật pháp cũng không còn thì bạn mới có thể đạt đến. Trong kinh Phật nói với bạn làm sao để tu hành chứng quả vị Bồ-tát? Đó là cách nói đối với hạng người trung hạ, còn đối với hạng người tu hành cao cấp thì những thứ này đều không có. Nếu còn những thứ này thì bạn vẫn còn phân biệt chấp trước, vậy bạn làm sao có thể thành tựu? Trong Phật pháp cao cấp không có những thứ này. Trong đoạn này là thuần túy nói về Phật pháp cao cấp, không phải là nói với những người trung hạ. Cho nên Phật gọi Di-lặc Bồ-tát để nói mà không gọi A-nan, ý nghĩa này rất sâu.

"*Tác đắc thiện nguyện, tận tâm cầu sách*", "*cầu sách*" tức là thiện xảo phương tiện. "*Thiện nguyện*", chư Phật độ chúng sanh thành Phật đạo, đây chính là "*thiện nguyện*". Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, "*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*". Bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật trong kinh này là thiện nguyện chân thật. Chúng ta ngày nay làm đệ tử của Phật, những vị Bồ-tát này cũng là đệ tử của Phật, nhất định là toàn tâm toàn lực giúp đỡ Phật phổ độ chúng sanh. Đây chính là "*tác đắc thiện nguyện, tận tâm cầu sách*", là tìm những phương pháp thiện xảo phương tiện, chúng ta phải chú trọng đến phương pháp. Ngày nay, thời đại này là thời đại khoa học kỹ thuật phát triển nhanh chóng. Chúng ta lợi dụng công cụ khoa học kỹ thuật, đem Phật Pháp phát dương quang đại, đem Phật Pháp truyền bá cho quảng đại quần chúng, đây chính là "*tận tâm cầu sách*". Chúng ta phải lợi dụng công cụ khoa học giúp Phật hoằng pháp lợi sanh.

"*Hàm ai từ mẫn*", "*ai*" là tâm đại bi. "*Từ mẫn*" là đại từ. "*Hàm ai từ mẫn*", trên thực tế chính là đại từ đại bi. "Bi" là thấy chúng sanh khổ, chúng ta sanh tâm lân mẫn giúp đỡ họ lìa khổ. "Từ" là ban cho chúng sanh niềm vui, chúng ta phải

giúp đỡ họ có được niềm vui. **Trong niềm vui này, thực tế nhất, cứu cánh viên mãn nhất là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.** Y theo phương pháp của Kinh Vô Lượng Thọ để tu học, không chỉ tương lai có được lợi ích chân thật viên mãn mà hiện tại sẽ có được niềm vui chân chánh. Hiện tại có được thì gọi là hoa báo, vãng sanh Bất Thoái thành Phật là quả báo, hoa quả đều thù thắng không gì sánh bằng! Biểu hiện ở bên ngoài là "*lễ nghĩa đô hợp*", hằng thuận chúng sanh, tùy hỉ công đức, tuyệt đối không phá hoại thế gian pháp. Lễ của thế gian, nghĩa của thế gian, mọi thứ của thế gian pháp đều phải chú trọng, tuân thủ. Tức là chúng ta thường nói, chúng ta học Phật phải biết hiện đại hóa và bổn thổ hóa. Tỉ như chúng ta sống tại Singapore, chúng ta nhất định phải tuân thủ pháp luật của Singapore. Pháp luật của mỗi quốc gia địa phương có rất nhiều sự khác biệt. Đến địa phương nào thì nhất định phải tuân thủ pháp luật, phong tục tập quán của địa phương đó. Vậy mới có thể được người địa phương hoan nghênh, ưa thích, họ sẽ hoan hỉ tiếp nhận. Cho nên nhất định phải biết được hiện đại hóa và bổn thổ hóa. "*Lễ nghĩa đô hợp*" (lễ nghĩa gồm đủ) tức là hiện đại hóa và bổn thổ hóa. "*Bao la biểu lý*" (sự lý viên dung), "*biểu*" là sự, "*lý*" là đạo lý. Tất cả sự lý đều bao gồm ở trong đó.

"*Quá độ giải thoát*" (đạt đến giải thoát)*, "quá"* là vượt qua, "*độ*" là độ thoát, có thể khiến tất cả chúng sanh giống Phật Bồ-tát, siêu việt thù thắng. Trong một đời đạt được giải thoát bằng pháp môn này, đích thật là "vượt qua", siêu việt hơn các pháp môn khác, thù thắng hơn so với các pháp môn khác. "*Giải thoát*", ở chỗ này là nói quả đức của sự tu hành.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!